TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Đinh Văn Diện.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Mai Ngọc G**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 21, ấp T, thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: chị **Danh Thị Pha L**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 21, ấp T, thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Người phiên dịch: Ông **Liêu Khăng**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Hiệp B, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 14/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Ngọc G trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, tôi và cô Danh Thị Pha L tiến đến hôn nhân vào tháng 4 năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày

19/7/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó cô L thường xuyên chơi số đề, gây nợ nần nên đem các vật dụng trong gia đình đi cầm cố nhưng vẫn không trả hết nợ. Những lần như vậy thì cô L tự ý bỏ nhà đi để lại hai đứa con nhỏ và một số nợ để tôi trả. Vì thương vợ và con nên tôi đã cố gắng làm để trả nợ cho cô L, sau đó cô L quay về chung sống. Đến năm 2014, thì cô L bỏ nhà đi cho đến nay. Tôi đã nhiều lần đi tìm cô L nhưng đều không gặp. Suốt thời gian cô L bỏ nhà đi, không một lần liên lạc với tôi và cũng không về thăm các con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với cô L.

Về quan hệ con chung: chúng tôi có 02 con chung tên Mai Thị Thảo N, sinh ngày 28/3/2007 và Mai Trọng P, sinh ngày 09/9/2013. Hiện tại cháu N và cháu P đang sống chung với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Tôi không yêu cầu cô L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về phía bị đơn chị Danh Thị Pha L: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị L, nhưng chị đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Danh Thị Pha L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Danh Thị Pha L đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, chị L đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về nội dung: anh Mai Ngọc G với chị Danh Thị Pha L chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 72, quyển số 01, ngày 19/7/2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh G với chị L phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của anh Mai Ngọc G: anh với G chị L chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, anh G cho

rằng chị L thường chơi số đề, không quan tâm đến gia đình nên từ đó mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống hôn nhân và tự ý bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay.

Về phía chị L, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, tạo điều kiện cho chị hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh G. Tuy nhiên, chị Ly không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh G. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh G với chị L mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Mai Ngọc G.

[5] Về quan hệ con chung: anh G với chị L con 02 chung tên Mai Thị Thảo N, sinh ngày 28/3/2007 và Mai Trọng P, sinh ngày 09/9/2013. Sau khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và cháu P, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên; cháu N và cháu P đang sống chung với anh G và được học hành ổn định. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2018 thì nguyện vọng của cháu N muốn được sống với anh G. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh G; giao cháu N và cháu P cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Mai Ngọc G không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: anh G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: anh G xác định không có nợ chung.

[8] Do anh Mai Ngọc G yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Ngọc G.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Mai Ngọc G được ly hôn với chị Danh Thị Pha L.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Mai Thị Thảo N, sinh ngày 28/3/2007 và Mai Trọng P, sinh ngày 09/9/2013.

+ Giao cháu Mai Thị Thảo N và cháu Mai Trọng P cho anh Mai Ngọc G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu N và cháu P đang sống chung với anh G).

+ Anh G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận anh Mai Ngọc G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Mai Ngọc G và chị Danh Thị Pha L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Mai Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000948 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em